



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Ngày 30/09/2025	50,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.7%	-	-0.4%

DT thuần Q3/25
566
tỷ VNĐ
QoQ: ▼59.0 -9.4%
YoY: ▲18.0 3.4%

LN thuần Q3/25
57.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲5.60 10.8%
YoY: ▼4.20 -6.8%

LN sau thuế Q3/25
46.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲4.70 11.4%
YoY: ▼5.20 -10.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
11.2%
YoY: +/-▲1.8%

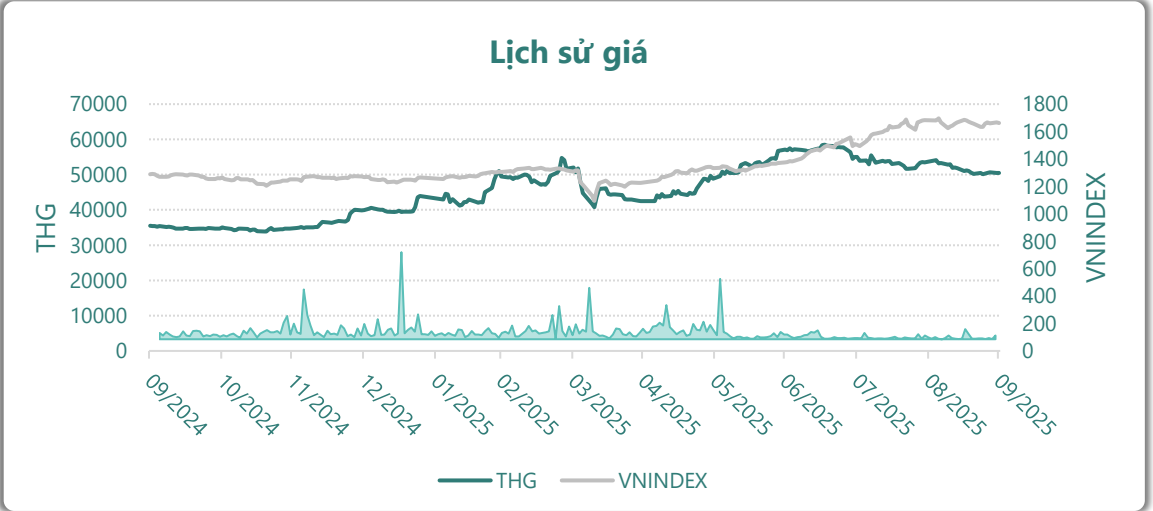
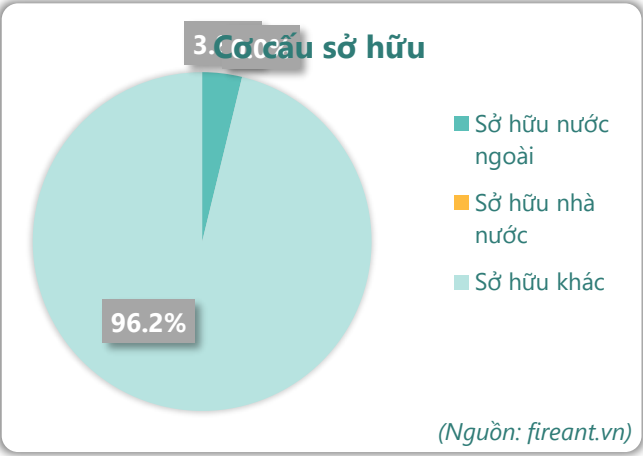
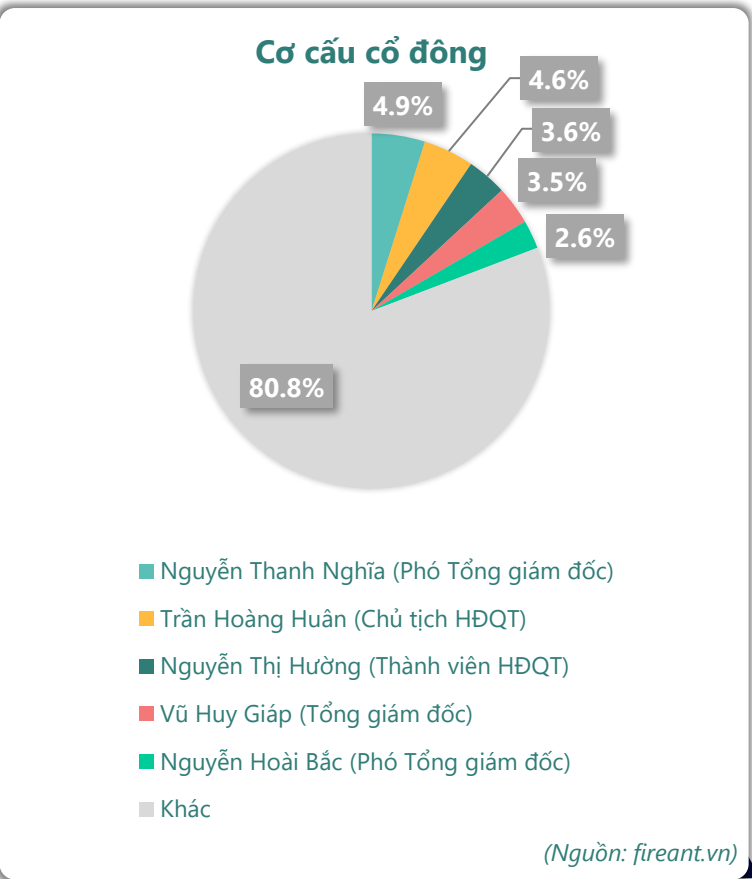
ROE (TTM) Q3/25
23.1%
YoY: +/-▼2.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	33,882 - 58,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,572
Số lượng CPLH (CP)	31,129,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,860
Sở hữu nước ngoài	3.8%
Beta	0.80
EPS	5,503
P/E	9.2

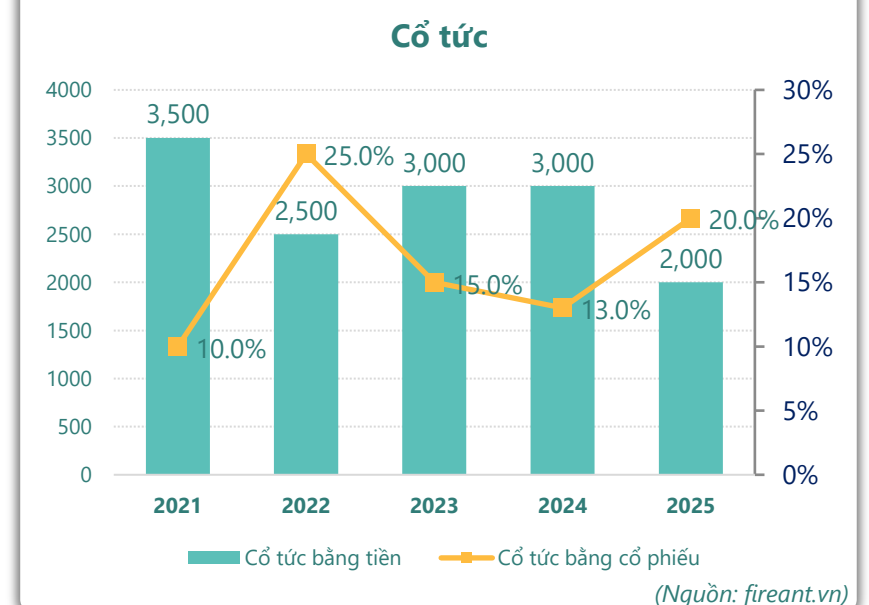
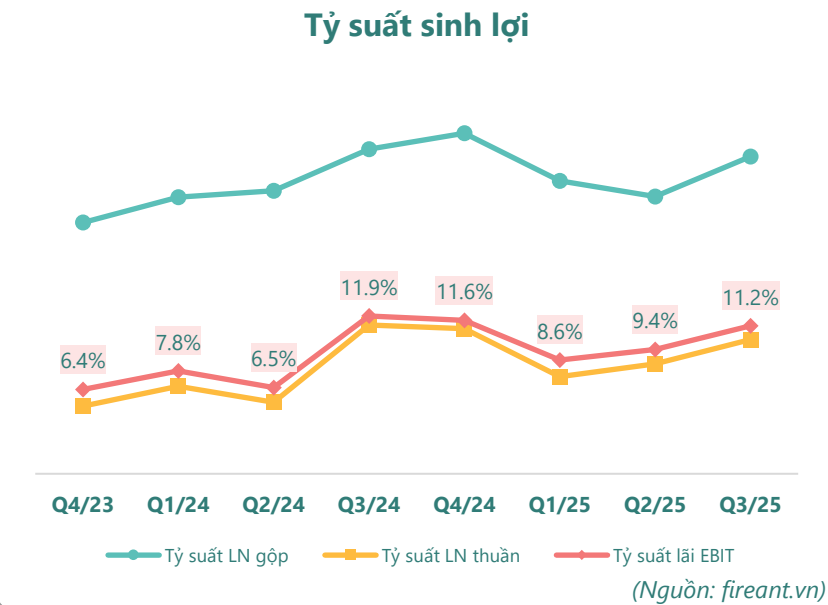
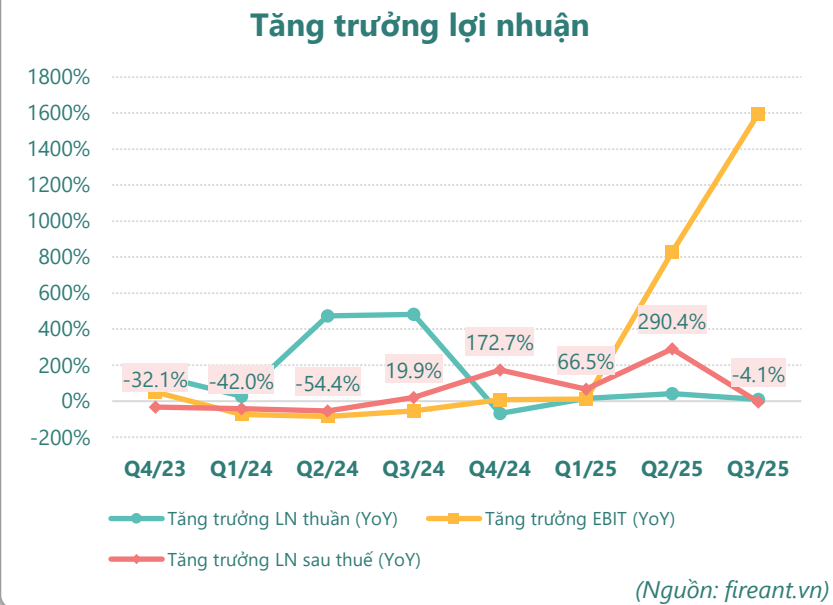
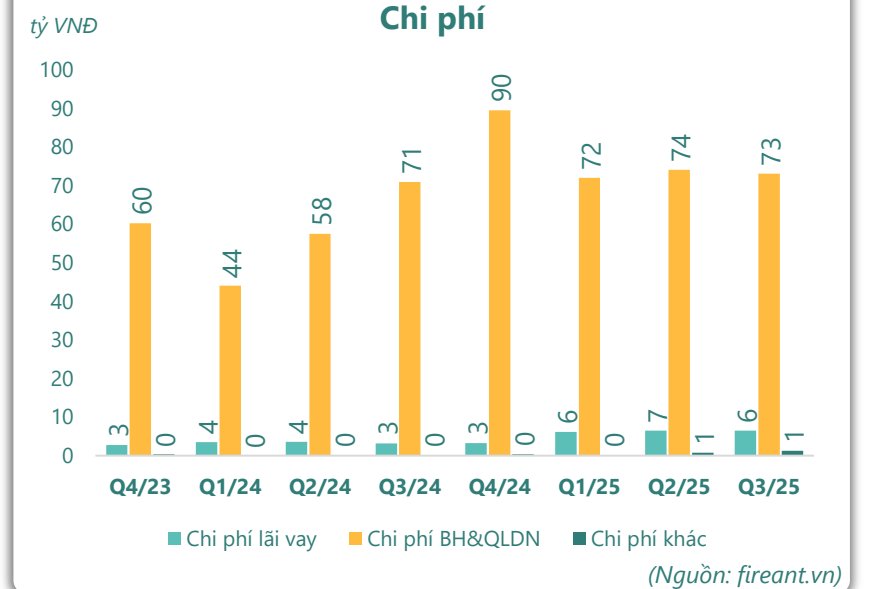
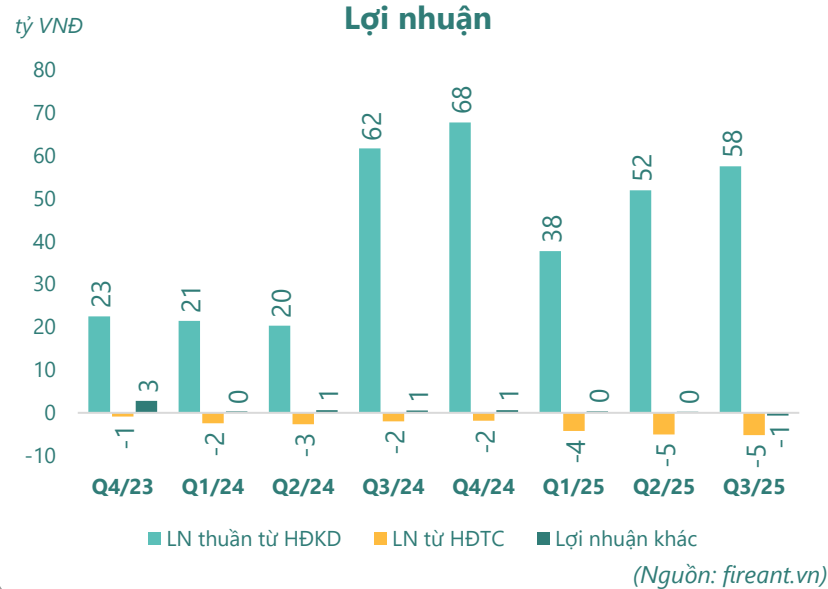
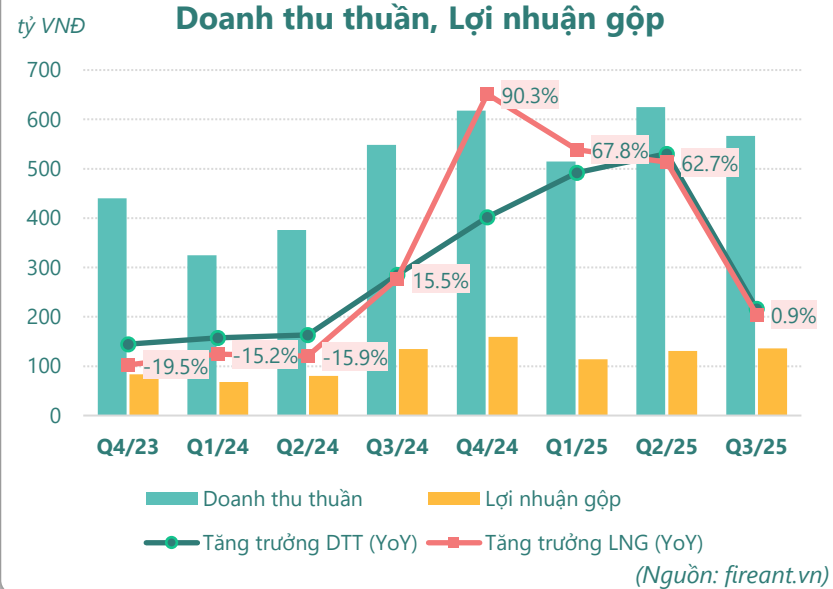
DT thuần 9T 2025
1,706
tỷ VNĐ
YoY: ▲457 36.5%

LN thuần 9T 2025
147
tỷ VNĐ
YoY: ▲44.0 42.2%

LN sau thuế 9T 2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲32.5 36.6%



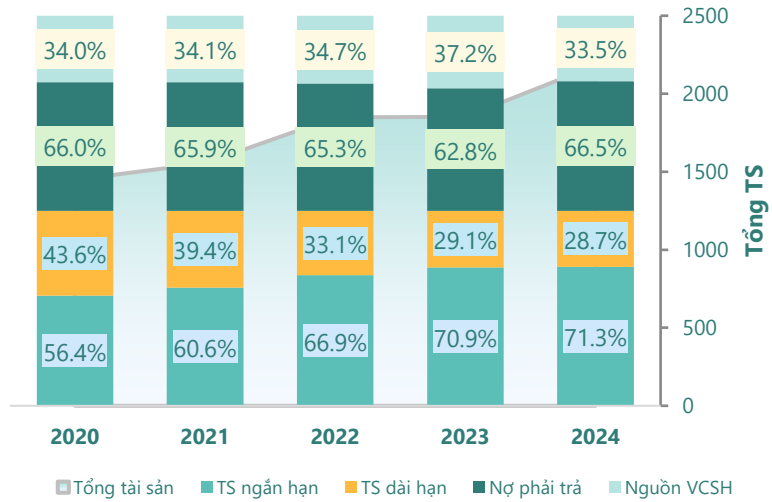
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

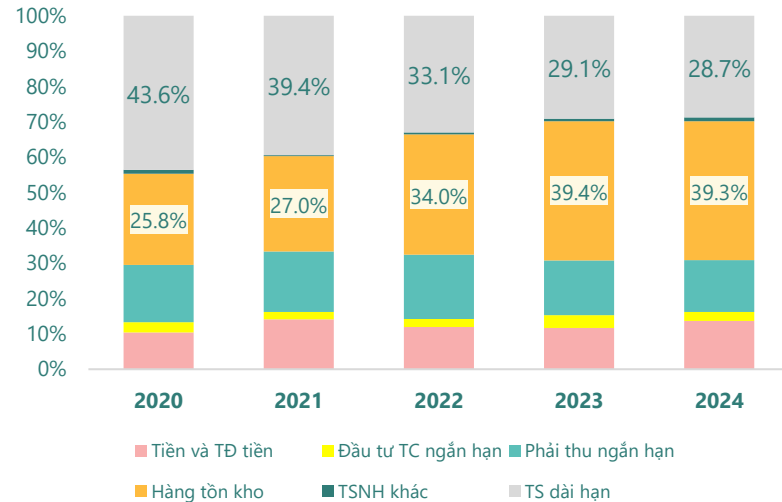
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

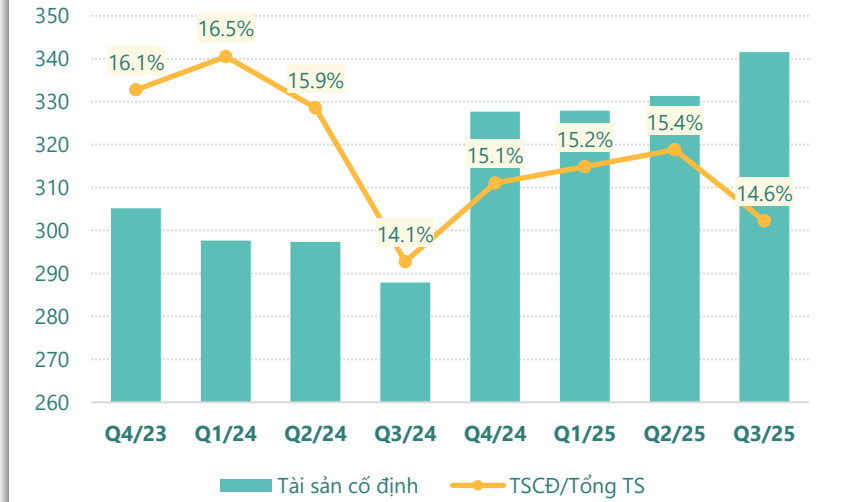
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

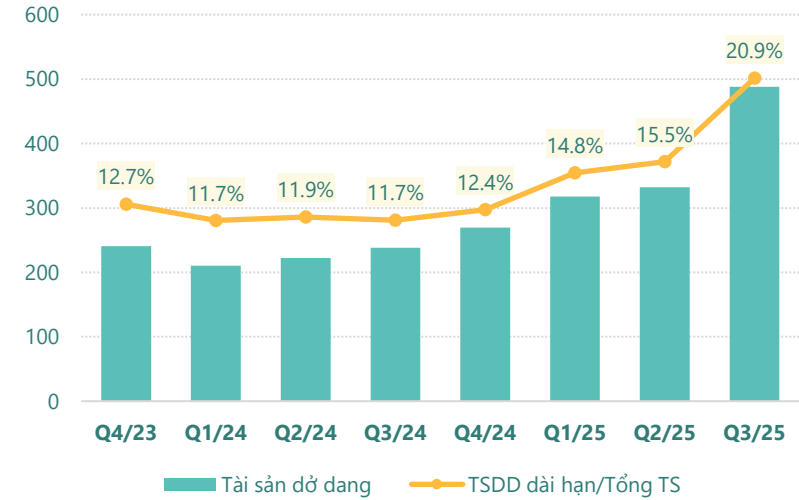
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

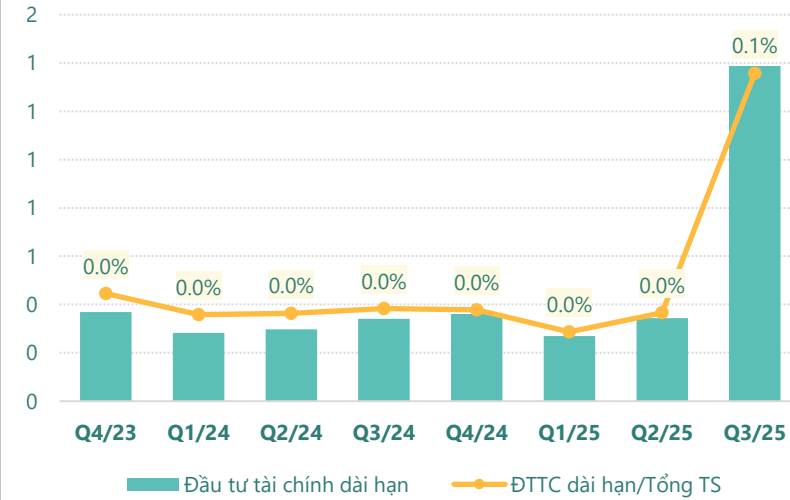
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

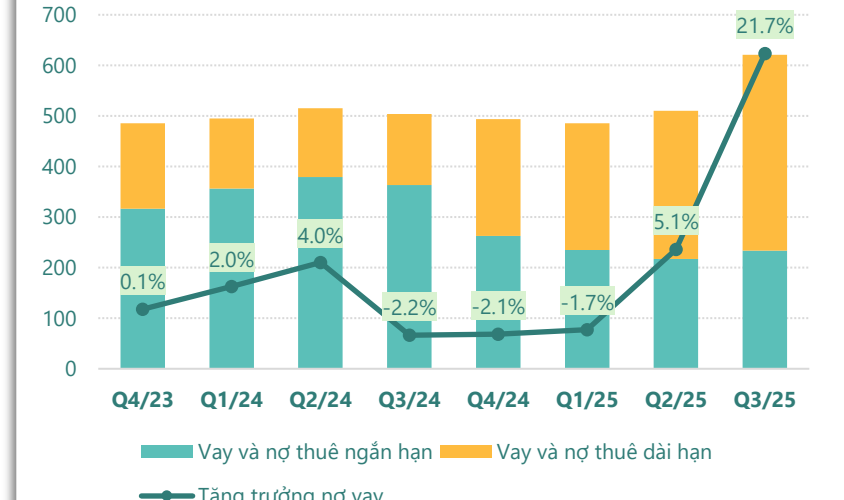
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

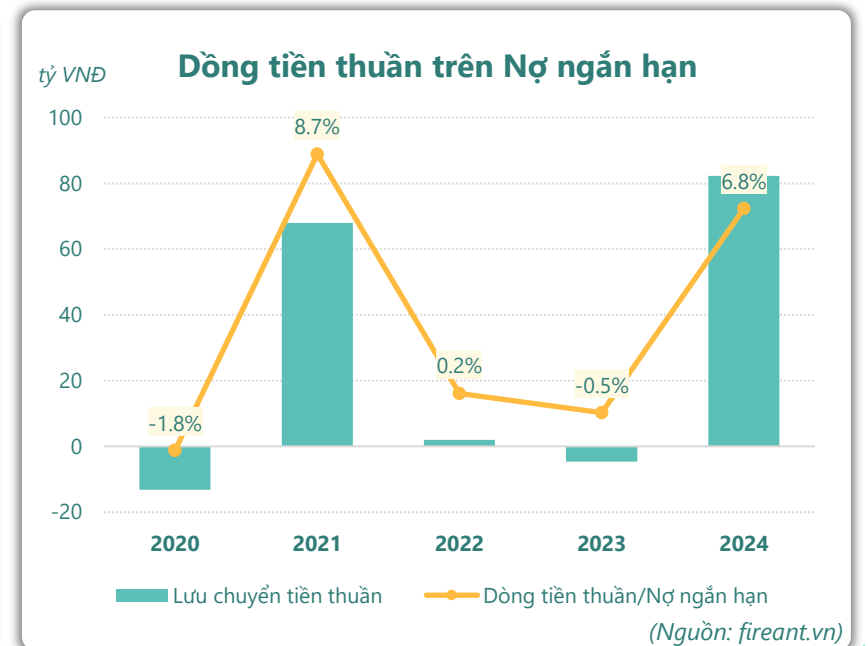
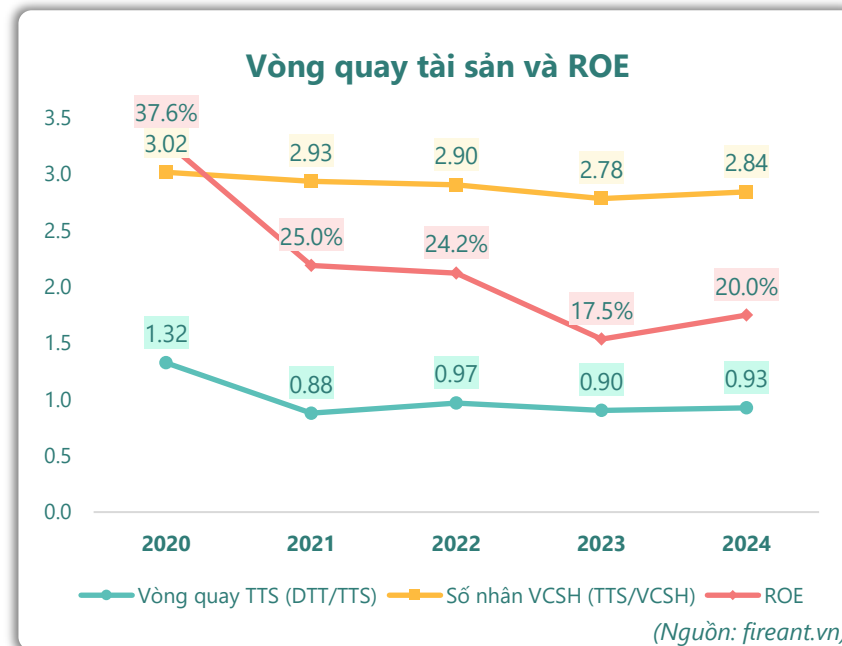
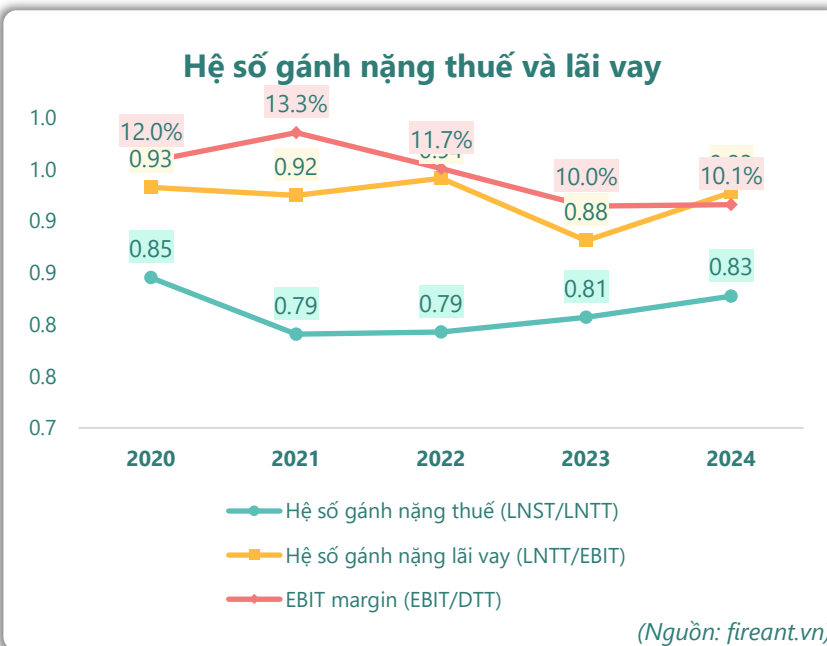
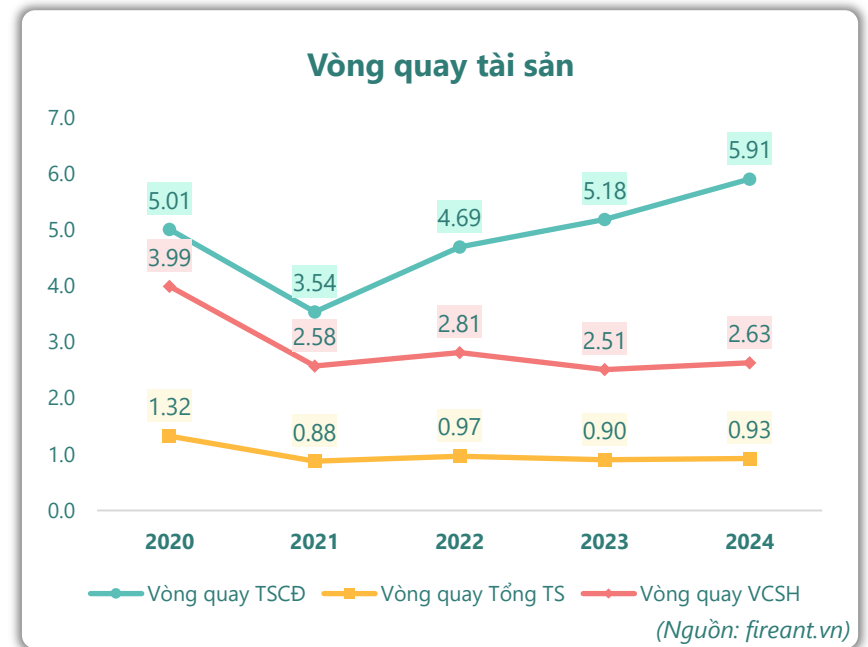
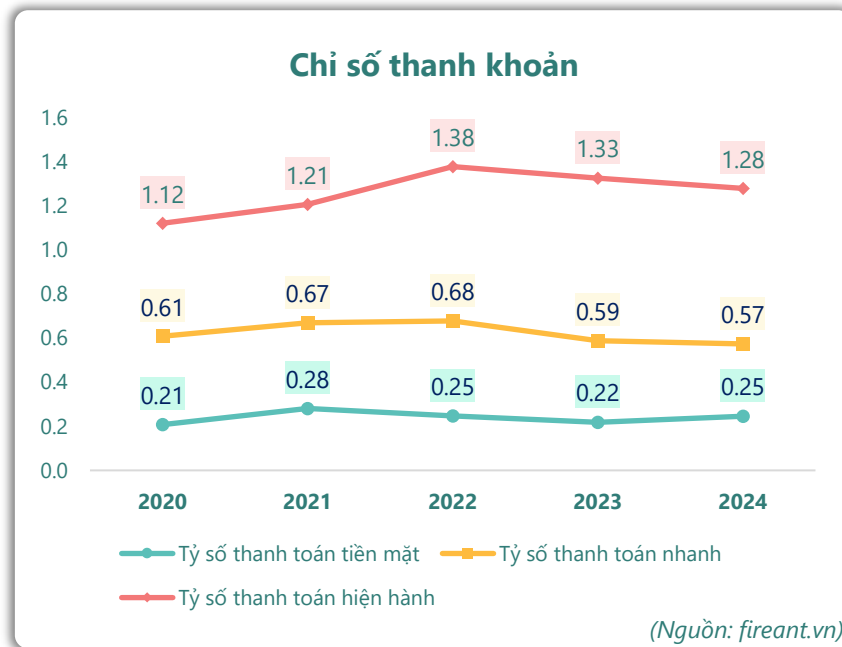
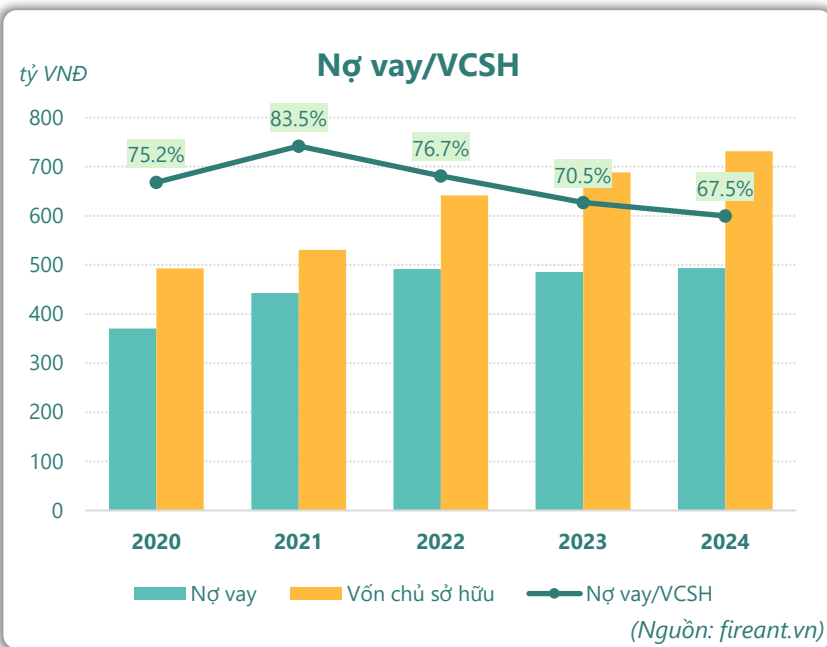
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	566	548	3.4%	1,706	1,249	36.5%
Giá vốn hàng bán	431	414	4.0%	1,325	966	37.1%
Lợi nhuận gộp	136	135	0.6%	381	283	34.6%
Doanh thu HĐTC	1.38	1.17	17.9%	4.91	3.49	40.6%
Chi phí TC	6.60	3.20	106%	19.4	10.6	83.1%
Chi phí lãi vay	6.47	3.20	102%	19.1	10.3	85.6%
LN trong công ty LKLD	0.01	0.04	-66.9%	0.08	0.07	13.5%
Chi phí bán hàng	58.1	55.6	4.5%	173	134	28.9%
Chi phí QLDN	15.1	15.3	-1.5%	46.2	38.3	20.7%
LN thuần từ HĐKD	57.5	61.7	-6.8%	147	103	42.2%
Lợi nhuận khác	-0.62	0.53	-217%	-0.02	1.47	-101%
LN trước thuế	56.9	62.2	-8.5%	147	105	40.2%
Lợi nhuận sau thuế	46.2	51.4	-10.0%	120	87.5	36.6%
LNST của CĐ cty mẹ	45.2	50.6	-10.6%	117	86.1	35.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.0	27.3	254	1.34	61.6	66.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.6	-1.81	-118	-60.6	-16.8	-165
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.19	-22.6	-20.3	-34.8	-2.48	84.9
Tiền đầu kỳ	149	165	168	299	205	247
Lưu chuyển tiền thuần	16.2	2.91	115	-94.1	42.2	-13.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	165	168	283	205	247	233

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,337	2,182	7.1%
Tài sản ngắn hạn	1,448	1,555	-6.8%
Tiền và tương đương tiền	233	299	-21.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.6	54.1	-54.5%
Phải thu ngắn hạn	353	320	10.5%
Hàng tồn kho	805	858	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	31.4	24.1	30.2%
Tài sản dài hạn	888	627	41.7%
Phải thu dài hạn	0.34	0.33	1.8%
Tài sản cố định	342	327	4.4%
Bất động sản đầu tư	16.5	17.6	-6.7%
Tài sản dở dang	488	271	80.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.39	0.36	285%
Tài sản dài hạn khác	40.7	11.3	260%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,556	1,450	7.2%
Nợ ngắn hạn	1,108	1,215	-8.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	234	264	-11.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	477	451	5.7%
Nợ dài hạn	448	235	90.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	387	230	68.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	781	731	6.8%
Vốn chủ sở hữu	781	731	6.8%
Vốn điều lệ	311	259	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

